

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 379/2025/DSPT

Ngày 27 - 11 - 2025

V/v Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế,

Bồi thường danh dự và uy tín.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, bà Đinh Thị Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2025/TLPT- DS ngày 15/10/2025, về việc “Chia di sản thừa kế, bồi thường danh dự và uy tín”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2025/DSST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 387/2025/QĐPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thu P; có đơn xin xét xử vắng mặt

1.2. Bà Nguyễn Thị Mai P1; có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: A T, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ liên hệ: 1 H, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: 3 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lan A; Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1963; vắng mặt

Đại diện theo uỷ quyền của ông V: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3.3. Nguyễn Công V1, (sinh năm 1958, đã chết vào năm 2019).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Công V1 gồm:

3.3.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981, địa chỉ: Buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3.3.2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985, địa chỉ: Buôn M, xã H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3.3.3. Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

3.3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

3.3.5. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H3: Bà Phạm Thị T1 - Luật sư thuộc Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: A A, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

3.3.6. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt

3.3.7. Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu P, ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 trình bày:

Ông bà nội tôi là ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2 sinh được 5 người con gồm: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công V1 (đã chết), ông Nguyễn Công V2 (đã chết), ông Nguyễn Công V và ông Nguyễn Công V3 (sinh năm 1966 đã chết năm 1989, không có vợ con và không có giấy chứng tử). Ông Nguyễn Công H4 chết năm 1998 và bà Nguyễn Thị T2 đã chết năm 1976 đều không có di chúc.

Bố chúng tôi là ông Nguyễn Công V2 (đã chết năm 2022) mẹ chúng tôi bà Lê Thị H5 (chết năm 2014) khi bố mẹ chết đều không có di chúc. Bố mẹ chúng

tôi có chỉ có 02 người con là Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1. Ngoài ra không có người con nào khác.

Ông Nguyễn Công V1 có vợ là Lê Thị N (đều đã chết), có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B.

Ông Nguyễn Công H4, bà Nguyễn Thị T2 khi chết có để di sản thừa kế bao gồm: Thửa 380, tờ bản đồ 23, diện tích 2030m², tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình đó ông H đã sang tên thửa đất trên mang tên ông H và tách ra thành thửa đất số 546, tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 116, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tặng cho con gái là bà Nguyễn Thị Lan A. Sau đó chúng tôi phát hiện và làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đề nghị: Yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế vô hiệu, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Bản án số 138/2022/DS-ST, ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử: Tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế vô hiệu, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông H và bà Lan A vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lan A. Sau đó ông H kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhưng sau đó ông H rút đơn kháng cáo, tại Quyết định số 08/2023/QĐ-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự và hiện nay Bản án số 138/2022/DS-ST, ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã có hiệu lực pháp luật. Hiện nay các tài sản trên vẫn là của ông bà nội chúng tôi. Sau đó chúng tôi yêu cầu ông H và bà Lan A giao bì đồ để chúng tôi làm thủ tục cấp giấy lại theo bản án như trên nhưng ông H và bà Lan A không giao.

Nay, chúng tôi (bà P1 và bà P) là những người thừa kế của ông Nguyễn Công V2 làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết: Phân chia di sản thừa kế của ông H4, bà T2 nêu trên theo quy định của pháp luật và chúng tôi đề nghị được nhận bằng tiền theo kết quả định giá của Tòa án.

Ông H cho rằng phần di sản thừa kế của bà T2 đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng, bởi vì: Phần di sản thừa kế của bà T2 sau khi chết vẫn do ông H4 quản lý, sử dụng đến năm 1998 ông H4 mới chết, năm 2008 thì 4 người con của ông H4, bà T2 là ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Công V1, Nguyễn Công V2, Nguyễn Công V lập giấy ủy quyền cử ông H là người đại diện đứng tên và năm 2012 ông Nguyễn Văn H có Thông báo bán nhà đất thừa kế nên đến khi khởi kiện thì hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế chưa hết.

Về đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H: Yêu cầu chúng tôi bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín với số tiền 20.000.000đồng thì chúng tôi không đồng ý. Chúng tôi khởi kiện là có căn cứ pháp luật chứ không ảnh hưởng gì đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông H.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mai P1 trình bày:

- Ông H cho rằng có ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1962 là không đúng. Bố tôi là ông Nguyễn Công V2, trước đây làm giấy tờ có sai sót năm sinh 1962 nhưng sau này đính chính lại giấy tờ là sinh năm 1960, sự sai sót giấy tờ là thủ tục hành chính; Bố tôi chỉ có duy nhất là bà Lê Thị H5 là vợ chết năm 2014, khi chết đều không có di chúc và có chỉ có 02 người con: là bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1. Ngoài ra không có người con nào khác.

- Về giá trị tài sản chia di sản thừa kế như biên bản định giá của Tòa án ngày 11/7/2024 về đất có giá là 08 tỷ tôi đồng ý và không yêu cầu định giá lại. Còn tài sản trên đất tôi không yêu cầu phân chia.

- Về chia di sản thừa kế tôi có ý kiến như sau: Tôi đồng ý trích 01 phần chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật để cho vợ chồng ông H, bà Lan A đã có công sức gìn giữ, bảo quản tài sản, chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuê đất... từ trước đến nay; Chi phí thờ cúng ông bà từ trước tới nay và về sau. Phần còn lại chia thành 04 phần cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật và tôi có nguyện vọng chia giá trị bằng tiền.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu phản tố ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bố mẹ tôi là ông Nguyễn Công H4 (đã chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết 1976), khi chết ông bà không có di chúc. Bố mẹ tôi có 05 người con: Tôi là Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công V1, (đã chết năm 2019), ông Nguyễn Công V, hiện đang ở với tôi tại địa chỉ 3 N, ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1960 (đã chết 2022) và ông Nguyễn Công V3, sinh năm 1966 đã chết năm 1989, không có vợ con, chết bị bệnh. Còn ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1962 không rõ là do bản án dân sự sơ thẩm 138/2022 ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định chứ người này thì tôi không biết ông này là ai.

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 546, tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 116, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tôi có ý kiến như sau: Thửa đất trên nguồn gốc do bố tôi mua của một người (không biết cụ thể họ tên ở tỉnh Tây Ninh) với giá 2000 đồng tiền giải phóng năm 1976 nhưng bố mẹ không đủ tiền nên tôi lúc đó đang làm bảo vệ cho một công ty ở tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) tôi gửi cho bố mẹ khoảng 800 đồng đến 900 đồng tiền giải phóng vào cho bố mẹ trả tiền mua đất và nhà trên, do bố con nên không có giấy tờ gì. Khi bố mẹ tôi chết thì năm 2008 có 3 anh em tôi lập giấy ủy quyền cho tôi đi làm thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật và năm 2012 tôi có viết thông báo như nguyên đơn trình bày là quyền của tôi.

Hiện nay bà P và bà P1 khởi kiện tôi chia di sản thừa kế, tôi cho rằng bà P và bà P1 chưa đủ điều kiện khởi kiện đối với thửa đất nêu trên vì chưa được phân chia đất đai, thừa kế theo quy định của pháp luật.

Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1932 chết năm 1976, di sản thừa kế của mẹ tôi hiện nay đã trên 30 năm nên không còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế. Đề nghị Tòa án đình chỉ phần di sản này và người đang trực tiếp quản lý di sản là tôi được hưởng phần di sản này.

Phần di sản của bố tôi là ông Nguyễn Công H4, sinh năm 1930 chết năm 1998 chia 06 phần, tôi có nguyện vọng bán di sản để chia theo pháp luật.

Hiện nay ông Nguyễn Công V là người khuyết tật đặc biệt nặng, đang hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước và đang ở với tôi từ năm 2012 đến nay. Tôi yêu cầu chia phần di sản thừa kế cho ông V theo quy định của pháp luật. Tôi hiện nay đang là người trực tiếp nuôi dưỡng ông V nên đề nghị Hội đồng xét xử giao phần di sản của ông V được nhận cho tôi quản lý để tôi chữa bệnh, nuôi dưỡng ông V.

Phần đơn phản tố của tôi: Tôi vẫn giữ nguyên đơn phản tố, yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường danh dự và uy tín cho tôi số tiền 20.000.000đồng. Tôi không có chứng cứ gì chứng minh bằng văn bản cung cấp cho Tòa án nhưng sự việc nguyên đơn đi khởi kiện tôi, mỗi lần Tòa án gửi giấy triệu tập về nhà làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của tôi.

3. Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Công Đ cùng trình bày:

Ông Nguyễn Công H4 (đã chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết 1976), khi chết ông bà không có di chúc. Ông H4, bà T2 sinh được các người con gồm: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công V1 (đã chết), ông Nguyễn Công V2 (đã chết), ông Nguyễn Công V và ông Nguyễn Công V3 (đã chết từ lâu, không rõ, không có vợ con). Ngoài ra không có người con nào khác, còn ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1962 như ông H khai là ai thì chúng tôi không biết mà ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1960 là bố đẻ của bà P1 và bà P.

Bố chúng tôi là Nguyễn Công V1 (đã chết năm 2019) và mẹ là bà Nguyễn Thị N1 (đã chết), khi chết đều không có di chúc. Sinh được 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị Thu T.

Ông bà nội tôi chết có để thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 116, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chưa chia di sản thừa kế. Hiện nay tài sản này chúng tôi đồng ý chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần của bố mẹ tôi để lại chia đều cho 06 chị em chúng tôi, chúng tôi yêu cầu được lấy bằng tiền. Về giá của 02 thửa đất có giá 08 tỷ đồng như biên bản định giá của Tòa án chúng tôi hoàn toàn đồng ý còn tài sản trên đất chúng tôi không yêu cầu chia. Đề nghị Tòa án chia như sau: Chia thành 04 phần cho 04 hàng thừa kế theo quy định của pháp luật và trích 01 phần di sản thừa kế phù hợp theo quy định của pháp luật để cho vợ chồng ông H là người có công sức, gìn giữ bảo quản tài sản từ trước đến nay, thờ cúng ông bà từ trước tới nay và về sau. Nguyên vọng của chúng tôi lấy bằng tiền.

Đối với phần di sản thừa kế của bà T2 chúng tôi cho rằng chưa hết thời hiệu khởi kiện.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H3 là bà Phạm Thị T1 trình bày:

Tôi đồng ý với ý kiến của bà H3, yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Xác định di sản của ông H4, bà T2 là thửa đất số 546, tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 116, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giá trị 8 tỷ đồng. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà H3 và các hàng thừa kế khác đồng ý chia thành 05 phần, trong đó 04 phần chia cho 4 hàng thừa kế và 01 phần chia cho ông Hoàng C gìn giữ, bảo quản và thờ cúng ông bà nên mong Hội đồng xét xử xem xét. Phần di sản thừa kế của bà T2 chưa hết thời hiệu khởi kiện, bà T2 chết năm 1976 thì ông H4 vẫn quản lý, sử dụng tài sản trên cho đến năm 1998 ông H4 chết. Năm 2008 có 04 người con của ông H4, bà T2 làm văn bản ủy quyền cho ông H đại diện đi làm thủ tục đứng tên thửa đất của ông H4, bà T2 nên đến nay nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện.

5. Bà Nguyễn Thị S trình bày:

Tôi là vợ của ông Nguyễn Văn H, tôi kết hôn với ông H từ năm 1985 đến nay. Hiện nay bà Nguyễn Thị Mai P1 và bà Nguyễn Thị Thu P khởi kiện chồng tôi chia di sản thừa kế là thửa đất số 546, tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 116, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tôi có ý kiến như sau: Tôi không có tranh chấp chia di sản thừa kế đối với bà Nguyễn Thị Mai P1 và bà Nguyễn Thị Thu P.

Tôi đồng ý chia di sản thừa kế, giá trị tài sản chia di sản thừa kế như biên bản định giá của Tòa án ngày 11/7/2024, giá đất 08 tỷ đồng. Phần di sản thừa kế của mẹ chồng tôi chết từ năm 1976 đến nay đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế nên $\frac{1}{2}$ di sản này thuộc người đang quản lý sử dụng là vợ chồng tôi tương đương số tiền 4 tỷ đồng. Phần di sản của bố chồng tôi còn lại là 4 tỷ đồng tôi đồng ý chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và chia 01 phần cho vợ chồng tôi. Bởi vì, các thửa đất trên vợ chồng chúng tôi quản lý, sử dụng từ lúc ông Nguyễn Công H4 (bố ông H là người để lại di sản) đến nay nên đề nghị Tòa án tính công sức đóng góp bao gồm: Gìn giữ, bảo quản và đăng ký quyền sử dụng đất, xây dựng tường rào, tiền xây mộ mã, đào giếng để trồng cây trên đất, các loại thuế đất đóng hàng năm cho nhà nước và đóng góp cho địa phương. Chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế trước, trong và sau khi qua đời với ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2. Từ khi bố mẹ chồng chết đến nay vợ chồng chúng tôi vẫn là người thờ cúng ông bà. Ông Nguyễn Công V ở với vợ chồng tôi, ông V là người khuyết tật nặng, không có vợ con, hằng ngày không tự lo cho bản thân và kiếm sống nên vợ chồng chúng tôi phải nuôi dưỡng và chữa bệnh....Số tiền vợ chồng chúng tôi yêu cầu được nhận tương đương 01 kỷ phần chia di sản thừa kế. Về cây trồng trên đất: 01 cây dừa, 04 cây chuối, 21 cây điều tự trồng; 01 giếng đào và 01 nhà gỗ nền đất, vách ván là của vợ chồng tôi thì giá trị nhỏ nên chúng tôi không yêu cầu gì.

6. Bà Nguyễn Thị Lan A trình bày tại đơn ngày 02/01/2024 và tại phiên tòa

Ngày 17/6/2014 tôi được bố tôi là ông Nguyễn Văn H đã tặng cho tôi thửa đất 380, tờ 23, diện tích 2.030m² tại xã H, Tp B. Quá trình sử dụng ngày 03/10/2016 sở T3 cấp GCNQSDĐ số 462992 và ngày 02/11/2016 sở T3 cấp

GCNQSDĐ số 148703, số 148706. Từ ngày tặng cho quyền sử dụng đất đến nay tôi đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nghĩa vụ tại địa phương nơi có đất, nghĩa vụ của nhà nước và quản lý, sử dụng không có tranh chấp trên 08 năm theo quy định của pháp luật là hợp pháp và ngay tình. Ngày 12/8/2024 tôi đã lập hợp đồng ủy quyền số 2731 tại phòng C2 tỉnh Đắk Lắk cho bố tôi là ông Nguyễn Văn H toàn quyền 19 năm kể từ ngày hợp đồng được ký. Việc tranh chấp chia di sản thừa kế của bà P1, bà P với bố tôi thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2025/DSST ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) đã quyết định:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 164; Điều 165; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 219; Điều 227; Điều 166; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Khoản 2 mục I Nghị quyết 02/2004 ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án dân sự, Hôn nhân và gia đình; Các Điều 9; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 649; Điều 650; Điều 651 và Điều 660 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2.

- Xác định Thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116, diện tích 493,2m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm, diện tích 293,2m² và Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 116, diện tích 1345,5m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm 1145,5m². Tọa lạc đều tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2. Giá trị di sản thừa kế có giá trị 08 tỷ đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Văn H có quyền quản lý, sử dụng: Thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116, diện tích 493,2m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc đều tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk diện tích 293,2m². Tứ cận thửa đất: Phía Đông giáp thửa 230; Phía Tây giáp thửa 244; Phía Nam giáp thửa 547; Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 14 và Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 116, diện tích 1345,5m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm 1145,5m². Tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận thửa

đất: Phía Đông giáp đường hẻm; Phía Tây giáp thửa 274; Phía Nam giáp thửa 272, 273; Phía Bắc giáp các thửa 245, 323, 244, 546;

+ Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Công V số tiền 1.600.000.000đồng; Thanh toán cho Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người số tiền 266.666.000đồng và thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người số tiền 800.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên mình theo nội dung bản án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Thị Mai P1 phải bồi thường danh dự và uy tín số tiền 20.000.000đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P kháng cáo một phần bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế làm 04 kỷ phần cho những người đồng thừa kế sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý theo quy định pháp luật về việc thờ cúng, tôn tạo, tiền thuế đất hàng năm khoảng 500.000.000 đồng (hoặc hơn nếu ông Hoàng cung C1 được giấy tờ chứng minh) và chia theo kỷ phần được hưởng, không chia theo số tiền cụ thể ảnh hưởng đến quyền lợi của bà trong việc thi hành bản án.

Ngày 06/6/2025, ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2025/DS-ST ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P, bị đơn ông Nguyễn Văn H – Giữ nguyên Bản

án dân sự sơ thẩm số: 90/2025/DS-ST ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P, bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định, bà P đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn H.

[2.1]. Về những người thuộc hàng thừa kế theo quy định của pháp luật:

Ông Nguyễn Công H4 (chết năm 1998) và bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 1976), sinh được 05 người con:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953;

+ Ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1960 (đã chết năm 2022) có bà vợ bà Lê Thị H5 (đã chết năm 2014) có 02 người con: Bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 là hàng thừa kế thứ nhất.

+ Ông Nguyễn Công V1, sinh năm 1958 (đã chết năm 2019) có vợ là bà Nguyễn Thị N1 (đã chết năm 1992). Có 06 người con: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Công Đ, và bà Nguyễn Thị Thu T là hàng thừa kế thứ nhất.

+ Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1963

+ Ông Nguyễn Công V3 (đã chết, không có vợ con).

Đối với ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1962 và ông Nguyễn Công V2, sinh năm 1960 là 01 người và chính là bố của bà P1, bà P là, vấn đề sai sót năm sinh là thủ tục hành chính nên cấp sơ thẩm xác định ông H4, bà T2 có 05 người con như trên là phù hợp.

[2.2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị T2 chết năm 1976 nên tính thời hiệu chia di sản thừa kế của bà T2 theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990 (số 44-LCT/HDDNN8) ngày 30-8-1990 có hiệu lực pháp luật, năm 1998 ông Nguyễn Công H4 chết đến năm 2008 các người con là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công V1, ông Nguyễn Công V2 và ông Nguyễn Công V đã lập giấy ủy quyền giao cho ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu thửa đất. Năm 2021 nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án “Tuyên bố văn bản phân chia tài sản thừa kế vô hiệu, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho

quyền sử dụng đất giữa ông H và bà Lan A vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và đến năm 2023 nguyên đơn tiếp tục khởi kiện phân chia di sản thừa kế theo quy định khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản 30 năm vẫn còn thời hiệu.

[2.3]. Về xác định di sản thừa kế

Các bên đương sự đều thừa nhận: Thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116, diện tích 493,2m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm, diện tích 293,2m² và Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 116, diện tích 1345,5m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm diện tích 1145,5m². Tọa lạc đều ở tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2. Di sản thừa kế theo kết quả định giá tài sản có giá trị 08 tỷ đồng. Tài sản trên đất xác định của vợ chồng ông H và không ai yêu cầu chia.

Như vậy cần xác định di sản thừa kế của ông H4, bà T2 giá trị 08 tỷ đồng. Khi chết ông H4, bà T2 không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật tại Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho 04 hàng thừa kế là ông Nguyễn Văn H; Ông Nguyễn Công V; Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Công V2 là bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1; Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Công V1 là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị Thu T.

Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Công V1 đều thống nhất: Di sản thừa kế chia cho 04 hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, mỗi hàng thừa kế đồng ý trích ra 01 phần di sản được nhận để tính công sức, gìn giữ bảo quản, tôn tạo tài sản, đóng các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và thờ cúng ông bà từ trước tới nay và về sau cho ông Nguyễn Văn H. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định công sức, gìn giữ bảo quản, tôn tạo tài sản, đóng các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và thờ cúng ông bà từ trước tới nay và về sau cho ông Nguyễn Văn H là 01 kỷ phần là chưa phù hợp so với thực tế, nên cấp phúc thẩm cần xác định lại phần công sức tôn tạo quản lý bằng 10% giá trị di sản thừa kế là phù hợp.

Di sản thừa kế có giá trị 08 tỷ đồng. Trích 10% giá trị di sản thừa kế (cụ thể là 800.000.000 đồng cho ông H). Còn lại 7.200.000.000 đồng chia cho 04 hàng thừa kế, cụ thể mỗi hàng thừa kế sẽ được hưởng 1.800.000.000 đồng.

Như vậy mỗi hàng thừa kế được chia tương đương số tiền 1.800.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 10% giá trị di sản thừa kế và 01 kỷ phần tương đương giá trị là 2.600.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Công V được nhận 01 kỷ phần tương đương số tiền 1.800.000.000 đồng.

+ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Công V1 được nhận là 1.800.000.000đồng, chia 06 người con: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được nhận số tiền 300.000.000 đồng.

+ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Công V2 được nhận là 1.800.000.000 đồng chia cho bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người được nhận số tiền 900.000.000 đồng.

Xét thấy tại cấp sơ thẩm nguyên đơn và những người thừa kế khác đều có nguyện vọng lấy di sản thừa kế bằng tiền, nhưng nguyên đơn bà P kháng cáo đề nghị chia theo kỷ phần được hưởng không chia theo số tiền cụ thể, HĐXX xét thấy: Hiện nay ông Nguyễn Văn H là người đang quản lý, sử dụng các thửa đất là di sản thừa kế cần tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán lại giá trị chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế là phù hợp.

[2.4]. Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về yêu cầu đề nghị đình chỉ xét xử vụ án; cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu P, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 90/2025/DSST ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) theo hướng đã nhận định ở trên.

[3]. Về án phí DSST: Vì sửa một phần Bản án sơ thẩm nên cần xác định lại phần án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần di sản được nhận. Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải chịu số tiền án phí theo mức: $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$

Bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người phải chịu số tiền án phí đối với phần di sản được hưởng $900.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 100.000.000 \text{ đồng}) = 39.000.000 \text{ đồng}$. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000đồng theo biên lai thu số 0004753 ngày 13/10/2023 tại chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người phải nộp án phí còn lại là 35.250.000đồng.

Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Công V là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Thu P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu P, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 90/2025/DSST ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

[2]. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2.

- Xác định Thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116, diện tích 493,2m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm, diện tích 293,2m² và Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 116, diện tích 1345,5m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm 1145,5m². Tọa lạc đều tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk) là di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H4 và bà Nguyễn Thị T2. Giá trị di sản thừa kế có giá trị 08 tỷ đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Văn H có quyền quản lý, sử dụng: Thừa đất số 546, tờ bản đồ số 116, diện tích 493,2m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc đều tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (ay là xã H, tỉnh Đắk Lắk) diện tích 293,2m². Tứ cận thửa đất: Phía Đông giáp thửa 230; Phía Tây giáp thửa 244; Phía Nam giáp thửa 547; Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 14 và Thừa đất số 547, tờ bản đồ số 116, diện tích 1345,5m² trong đó 200m² đất thổ cư và còn lại là đất trồng cây lâu năm 1145,5m². Tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk). Tứ cận thửa đất: Phía Đông giáp đường hẻm; Phía Tây giáp thửa 274; Phía Nam giáp thửa 272, 273; Phía Bắc giáp các thửa 245, 323, 244, 546;

+ Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi trả cho ông Nguyễn Công V số tiền 1.800.000.000đồng; Bồi trả cho Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người số tiền 300.000.000đồng và bồi trả cho bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người số tiền 900.000.0000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ bồi trả, ông Nguyễn Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất sang tên mình theo nội dung bản án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thời trả thì một trong các đồng thừa kế có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thị hành án tiến hành phát mãi quyền sử dụng đất để thực hiện việc phân chia. Việc phát mãi sẽ căn cứ vào giá trị quyền sử dụng đất thực tế tại thời điểm phát mãi để phân chia theo tỷ lệ phần trăm mà từng đương sự được hưởng. Cụ thể ông Nguyễn Văn H được hưởng 32.5% giá trị tài sản phát mãi; ông Nguyễn Công V được hưởng 22.5% giá trị tài sản phát mãi; Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được hưởng 3.75% giá trị tài sản phát mãi; bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người được hưởng 11.25% giá trị tài sản phát mãi.

[2]. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Thị Mai P1 phải bồi thường danh dự và uy tín số tiền 20.000.000đồng.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải chịu số tiền án phí là 15.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu P và bà Nguyễn Thị Mai P1 mỗi người phải chịu số tiền án phí là 35.250.000đồng.

Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Công V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

- Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải chịu số tiền 208.000đồng (làm tròn).

- Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Công V mỗi người phải chịu số tiền 1.250.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu 625.000đồng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng 3.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị Mai P1 phải chịu 625.000đồng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng 2.000.000đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Mai P1 số tiền 1.375.000đồng và trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu P số tiền 2.375.000đồng sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công V và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Công Đ, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị B.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011208 ngày 23/6/2025 của Chi cục T (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk).

Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực I;
- Phòng THADS khu vực I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Hà